

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 201/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 – 8 – 2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Công Minh
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 28 tháng 8 năm 2023 tại điểm cầu Trung tâm đặt tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau và điểm cầu thành phần đặt tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 225/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ng; Sinh năm: 1983; Địa chỉ: ấp H.N, xã B.Đ, huyện T.B, tỉnh Cà Mau (có mặt tại điểm cầu thành phần).

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Minh Đ); Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Ấp B.S, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/7/2023, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã B.Đ, huyện T.B, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/7/2019. Trong quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống nên phát sinh mâu thuẫn. Bà và ông D đã ly thân khoảng 02 tháng. Nay tình cảm không còn, bà yêu cầu ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 16/8/2020, hiện hiện đang sống cùng bà N. Khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Văn D được Tòa án thông báo thụ lý về yêu cầu khởi kiện của bà N nhưng ông D không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, đồng ý ly hôn. Yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 16/8/2020 không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà N chung sống không có tài sản chung và không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 17/7/2019, đúng quy định của pháp luật. Bà N yêu cầu ly hôn với ông D. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Nguyễn Văn D, Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng triệu tập ông D tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và Hòa giải nhưng ông D có văn bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải đồng thời yêu cầu xét xử vắng mặt. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D theo quy định tại các Điều 207, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N yêu cầu ly hôn với ông D với lý do vợ chồng có mâu thuẫn phát sinh do bất đồng quan điểm sống. Xét thấy ông D và bà N không còn chung sống vợ chồng, ông D không yêu cầu hàn gắn mối quan hệ hôn nhân và đồng ý ly hôn với bà N. Bà N cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông D.

[4] Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 16/8/2020, hiện đang sống cùng bà N. Cả ông D và bà N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, con chung là bé gái còn nhỏ cần sự chăm sóc từ người mẹ, từ trước đến nay đã sống cùng bà N, để tránh sáo trộn cuộc sống của con chung cần tiếp tục giao con chung cho bà N nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Mặc dù ông D không đồng ý cấp dưỡng, nhưng ông D là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng bà N yêu cầu phù hợp với mức trung bình thu nhập tại địa phương, ông D có điều kiện để thực hiện, nên chấp nhận yêu cầu này của bà N.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông D thống nhất xác định không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến nay, không ai khác yêu cầu Tòa án xem xét trách nhiệm trả nợ của bà N và ông D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà N phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 207, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Nguyễn Văn D

Về con chung: Tiếp tục giao con chung Nguyễn Ngọc Tr sinh ngày 16/8/2020 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Buộc ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Minh Đ) có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 16/8/2020 mỗi tháng 1.000.000đ/tháng. Cấp dưỡng kể từ ngày bản án sơ thẩm có hiệu lực đến khi con chung Nguyễn Ngọc Tr, sinh ngày 16/8/2020 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người có quyền thi hành án (Bà Nguyễn Thị N) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (ông Nguyễn Văn D) không thi hành xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) bà Nguyễn Thị N phải nộp. Ngày 07/7/2023 bà Nguyễn Thị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003673 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Nguyễn Văn D (Nguyễn Minh Đ) phải nộp (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND TP.Cà Mau;
- UBND xã Biển Bạch Đông,
- H.Thới Bình, T.Cà Mau.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Phan Thị Thu